

TRƯỜNG: THCS LÊ THÀNH CÔNG  
TỔ: LÍ – HÓA – SINH  
Họ và tên giáo viên: Cháng Thị Xuân Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**  
**MÔN HỌC: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6, 8**  
(Năm học 2023 - 2024)

- Lớp được phân công giảng dạy: Khoa học tự nhiên 6a1, 6a2, 6a7, 8a3
- Lớp được phân công chủ nhiệm: 6a7
- Nhiệm vụ khác được phân công kiêm nhiệm: Bồi dưỡng học sinh Olympic 8

**I. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình lớp 6**

STT	Bài học/chủ đề (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)	Hình thức dạy học (6)
1	<b>Mở đầu</b> Bài 1. Giới thiệu về KHTN	1	Tuần 1		Tại lớp học	Trực tiếp
2	Bài 2. Các lĩnh vực chủ yếu của KHTN (tiết 1, 2)	2	Tuần 1		Tại lớp học	Trực tiếp

3	Bài 3. Quy định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo - Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học (tiết 1)	1	Tuần 1	Bảng quy định, các quy tắc an toàn phòng thực hành. Học liệu điện tử: phần mềm mô hình phân tử, phần mềm mô phỏng thí nghiệm hoá học, thí nghiệm ảo; thí nghiệm độc hại, nguy hiểm, gây nổ Ổng đong, Pipette, Cốc chia độ,	Tại lớp học	Trực tiếp
4	Bài 3. Quy định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo - Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học (tiết 2, 3, 4)	3	Tuần 2		Tại lớp học	Trực tiếp
5	<b>Chủ đề 1. Các phép đo</b> Bài 4. Đo chiều dài (tiết 1)	1	Tuần 2	Thước cuộn, Thước kẹp, Cân Roberval	Tại lớp học	Trực tiếp

6	Bài 4. Đo chiều dài (tiết 2)	1	Tuần 3		Tại lớp học	Trực tiếp
7	Bài 5. Đo khối lượng (tiết 1, 2)	2	Tuần 3	Cân đồng hồ, Cân điện tử,	Tại lớp học	Trực tiếp
8	Bài 6. Đo thời gian (tiết 1)	1	Tuần 3	Đồng hồ bấm giây	Tại lớp học	Trực tiếp
9	Bài 6. Đo thời gian (tiết 2)	1	Tuần 4		Tại lớp học	Trực tiếp
10	Bài 7. Thang nhiệt độ Celsius. Đo nhiệt độ (tiết 1, 2, 3)	3	Tuần 4	Nhiệt kế y tế, Nhiệt kế phòng thí nghiệm	Tại lớp học	Trực tiếp
11	Ôn tập chủ đề 1	1	Tuần 5		Tại lớp học	Trực tiếp
12	<b>Chủ đề 2. Các thể của chất</b> Bài 8. Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất. Tính chất của chất (tiết 1, 2, 3)	3	Tuần 5	Bảng tính tan (độ tan của muối và hydroxide) Tranh về vòng tuần hoàn của nước Tranh/ảnh về sơ đồ biểu diễn sự chuyển thể của chất Bộ tranh, ảnh, hình vẽ về cấu trúc của chất rắn, lỏng, khí	Tại lớp học	Trực tiếp

				Nhiệt kế lỏng hoặc cảm biến nhiệt độ Cốc thủy tinh loại 250ml Nén (Parafin) rắn Ống nghiệm Ống dẫn thủy tinh chữ Z Lọ thủy tinh miệng rộng Chậu thủy tinh. Cốc loại 1 lít Thuốc tím (Potassium pemangannate - $KMnO_4$ ) Nén		
13	<b>Chủ đề 3. Oxygen và không khí</b> Bài 9. Oxygen	1	Tuần 6	Tranh về chu trình carbon trong tự nhiên Tranh về chu trình nitơ trong tự nhiên Ống đong hình trụ 100ml Cốc thủy tinh loại 250 ml Thìa café nhỏ Muối ăn, Đường	Tại lớp học	Trực tiếp
14	Bài 10. Không khí và bảo vệ	1	Tuần 6		Tại lớp học	Trực tiếp

	môi trường không khí					
15	Ôn tập chủ đề 2, 3	1	Tuần 6		Tại lớp học	Trực tiếp
16	<b>Chủ đề 4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm thông dụng; Tính chất và ứng dụng của chúng</b>  Bài 11. Một số vật liệu thông dụng (tiết 1)	1	Tuần 6		Tại lớp học	Trực tiếp
17	Bài 11. Một số vật liệu thông dụng (tiết 2)	1	Tuần 7		Tại lớp học	Trực tiếp
18	Bài 12. Nhiên liệu và an ninh năng lượng (tiết 1, 2)	2	Tuần 7		Tại lớp học	Trực tiếp
19	Bài 13. Một số nguyên liệu	1	Tuần 7	Tranh về ứng dụng vai trò của glucose và tinh bột trong cuộc sống	Tại lớp học	Trực tiếp

20	Bài 14. Một số lương thực - thực phẩm (tiết 1, 2)	1	Tuần 8		Tại lớp học	Trực tiếp
21	Ôn tập chủ đề 4	1	Tuần 8		Tại lớp học	Trực tiếp
22	<b>Kiểm tra đánh giá giữa kì I</b>	2	Tuần 8		Tại lớp học	Trực tiếp
23	Bài 14. Một số lương thực - thực phẩm (tiết 2)	1	Tuần 9		Tại lớp học	Trực tiếp
24	<b>Chủ đề 5. Chất tinh khiết - Hỗn hợp. Phương pháp tách các chất</b> Bài 15. Chất tinh khiết - Hỗn hợp (tiết 1)	1	Tuần 9	Phễu lọc thủy tinh cuống ngắn Phễu chiết hình quả lê Cốc thủy tinh loại 250 ml Đũa thủy tinh, giấy lọc Cát hoặc dầu ăn	Tại lớp học	Trực tiếp
23	Bài 15. Chất tinh khiết - Hỗn hợp (tiết 2)	1	Tuần 9	Tranh về sơ đồ chung cất chế hoá và ứng dụng của dầu mỏ	Tại lớp học	Trực tiếp
24	Bài 15. Chất tinh khiết -	1	Tuần 9		Tại lớp học	Trực tiếp

	Hỗn hợp (tiết 3)					
25	Bài 16. Một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp (tiết 1, 2)	2	Tuần 10	Pipet. Đũa thủy tinh Cốc thủy tinh 250ml Đĩa kính đồng hồ Đĩa lòng (Pêtri) Đèn cồn, cồn đốt Acid acetic 45% Dung dịch muối sinh lí (0,9% NaCl). Carmin acetic 2%....	Tại lớp học	Trực tiếp
26	Ôn tập chủ đề 4, 5	1	Tuần 10		Tại lớp học	Trực tiếp
27	<b>Chủ đề 6. Tế bào - Đơn vị cơ sở của sự sống</b> Bài 17. Tế bào (tiết 1)	1	Tuần 10	Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào thực vật	Tại lớp học	Trực tiếp
28	Bài 17. Tế bào (tiết 2, 3, 4, 5)	4	Tuần 11	Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào động vật	Tại lớp học	Trực tiếp
29	Bài 18. Thực hành quan sát tế bào sinh vật (tiết 1, 2)	2	Tuần 12	Tranh/ảnh so sánh tế bào thực vật, động vật	Tại lớp học	Trực tiếp
30	Ôn tập chủ đề 6	1	Tuần 12	Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào nhân sơ	Tại lớp học	Trực tiếp

				Tranh/ảnh so sánh tế bào nhân thực và nhân sơ		
31	<b>Chủ đề 7. Từ tế bào đến cơ thể</b> Bài 19. Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào (tiết 1)	1	Tuần 12	Tranh/ảnh về một số loại tế bào điển hình	Tại lớp học	Trực tiếp
32	Bài 19. Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào (tiết 2)	1	Tuần 13	Sơ đồ diễn tả từ tế bào - mô - cơ quan - hệ cơ quan - cơ thể ở thực vật	Tại lớp học	Trực tiếp
33	Bài 20. Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào (tiết 1, 2)	2	Tuần 13	Sơ đồ diễn tả từ tế bào - mô - cơ quan - hệ cơ quan - cơ thể ở động vật	Tại lớp học	Trực tiếp
34	Bài 21. Thực hành quan sát sinh vật (tiết 1)	1	Tuần 13		Tại lớp học	Trực tiếp
35	Bài 21. Thực hành quan sát sinh vật (tiết 2)	1	Tuần 14		Tại lớp học	Trực tiếp
36	Ôn tập chủ đề 7	1	Tuần 14		Tại lớp học	Trực tiếp

37	<b>Chủ đề 8. Đa dạng thế giới sống</b> Bài 22. Phân loại thế giới sống (tiết 1, 2)	2	Tuần 14	Sơ đồ 5 giới sinh vật Sơ đồ các nhóm phân loại sinh vật	Tại lớp học	Trực tiếp
38	Bài 22. Phân loại thế giới sống (tiết 3, 4)	2	Tuần 15		Tại lớp học	Trực tiếp
39	Ôn tập (tiết 1, 2)	2	Tuần 15		Tại lớp học	Trực tiếp
40	<b>Kiểm tra đánh giá cuối kì I</b>	2	Tuần 16		Tại lớp học	Trực tiếp
41	Trả bài KTĐG cuối HKI	2	Tuần 16		Tại lớp học	Trực tiếp
42	Bài 23. Thực hành xây dựng khóa lưỡng phân	1	Tuần 17		Tại lớp học	Trực tiếp
43	Bài 24. Virus (tiết 1,2)	2	Tuần 17	Tranh/ảnh về Cấu tạo virus	Tại lớp học	Trực tiếp
44	Bài 25. Vi khuẩn (tiết 1)	1	Tuần 17	Tranh/ảnh về đa dạng vi khuẩn Tranh/ảnh về đa dạng vi khuẩn	Tại lớp học	Trực tiếp
45	Bài 25. Vi khuẩn (tiết 2)	1	Tuần 18		Tại lớp học	Trực tiếp
46	Bài 26. Thực hành quan sát	1	Tuần 18		Tại lớp học	Trực tiếp

	vi khuẩn. Tìm hiểu các bước làm sữa chua					
47	Bài 27. Nguyên sinh vật (tiết 1, 2)	2	Tuần 18	Tranh/ảnh về một số đối tượng nguyên sinh vật	Tại lớp học	Trực tiếp
<b>HỌC KÌ II</b>						
48	Bài 27. Nguyên sinh vật (tiết 3, 4, 5)	3	Tuần 19		Tại lớp học	Trực tiếp
49	Bài 28. Nấm (tiết 1)	1	Tuần 19	Hình ảnh về một số loài nấm. Hình ảnh về đặc điểm chung của nấm. Kính lúp	Tại lớp học	Trực tiếp
50	Bài 28. Nấm (tiết 2, 3, 4)	3	Tuần 20	Hình ảnh về một số loài nấm. Hình ảnh về đặc điểm chung của nấm. Kính lúp	Tại lớp học	Trực tiếp
51	Bài 29. Thực vật (tiết 1)	1	Tuần 20	Sơ đồ các nhóm Thực vật Tranh/ảnh về Thực vật không có mạch (cây Rêu) Tranh/ảnh về Thực vật có mạch, không có hạt (cây	Tại lớp học	Trực tiếp

				Dương xỉ), Tranh/ảnh về Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần) Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín)		
52	Bài 29. Thực vật (tiết 2, 3, 4, 5)	4	Tuần 21		Tại lớp học	Trực tiếp
53	Bài 30. Thực hành phân loại thực vật	1	Tuần 22		Tại lớp học	Trực tiếp
54	Ôn tập	1	Tuần 22		Tại lớp học	Trực tiếp
55	Bài 31. Động vật (tiết 1, 2)	2	Tuần 22	Sơ đồ các nhóm động vật không xương sống và có xương sống	Tại lớp học	Trực tiếp
56	Bài 31. Động vật (tiết 3, 4, 5, 6)	4	Tuần 23		Tại lớp học	Trực tiếp
57	Bài 32. Thực hành quan sát và phân loại động vật ngoài thiên nhiên	1	Tuần 24		Tại lớp học	Trực tiếp
58	Bài 33. Đa dạng sinh học (tiết 1, 2)	2	Tuần 24		Tại lớp học	Trực tiếp
59	Bài 34. Tìm hiểu sinh vật	1	Tuần 24		Tại lớp học	Trực tiếp

	ngoài thiên nhiên (tiết 1)					
60	Bài 34. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên (tiết 2)	2	Tuần 25		Tại lớp học	Trực tiếp
61	Ôn tập	1	Tuần 25		Tại lớp học	Trực tiếp
62	<b>Kiểm tra đánh giá giữa kì II</b>	2	Tuần 25			
63	Bài 34. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên (tiết 3)	1	Tuần 26			
64	Ôn tập chủ đề 8	1	Tuần 26			
65	<b>Chủ đề 9. Lục</b> Bài 35. Lục và biểu diễn lục (tiết 1,2)	1	Tuần 26	Giá đỡ, Quả nặng	Tại lớp học	Trực tiếp
66	Bài 36. Tác dụng của lục (tiết 1, 2)	2	Tuần 27	Bộ tranh, ảnh, hình vẽ về tác dụng của lục	Tại lớp học	Trực tiếp
67	Bài 37. Lục hấp dẫn và trọng lượng (tiết 1,2)	2	Tuần 27		Tại lớp học	Trực tiếp

68	Bài 38. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	1	Tuần 28	Thanh nam châm vĩnh cửu Bi sắt có dây treo	Tại lớp học	Trực tiếp
	Bài 39. Biến dạng của lò xo. Phép đo lực (tiết 1, 2, 3)	3	Tuần 28	Khối gỗ, lò xo Lực kế	Tại lớp học	Trực tiếp
69	Bài 40. Lực ma sát (tiết 1, 2, 3, 4)	4	Tuần 29		Tại lớp học	Trực tiếp
70	<b>Chủ đề 10. Năng lượng và cuộc sống</b> Bài 41. Năng lượng (tiết 1, 2, 3, 4)	4	Tuần 30		Tại lớp học	Trực tiếp
71	Bài 42. Bảo toàn năng lượng và sử dụng năng lượng (tiết 1, 2)	4	Tuần 31		Tại lớp học	Trực tiếp
72	Ôn tập (tiết 1, 2)	2	Tuần 31			
73	<b>Kiểm tra đánh giá cuối kì II</b>	2	Tuần 32			
74	Trả bài KTĐG cuối HKII	2	Tuần 32			

75	Bài 42. Bảo toàn năng lượng và sử dụng năng lượng (tiết 3,4,5)	1	Tuần 33		Tại lớp học	Trực tiếp
76	<b>Chủ đề 11. Trái Đất và bầu trời</b> Bài 43. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời (tiết 1)	1	Tuần 33	Bộ tranh, ảnh, hình vẽ về sự mọc lặn của Mặt Trời	Tại lớp học	Trực tiếp
77	Bài 43. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời (tiết 2)		Tuần 34			
78	Bài 44. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng (tiết 1,2,3)	1	Tuần 34	Bộ tranh, ảnh, hình vẽ về hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong tuần trăng	Tại lớp học	Trực tiếp
79	Bài 45. Hệ Mặt Trời và Ngân Hà (tiết 1, 2)	2	Tuần 35	Bộ tranh, ảnh, hình vẽ về mô phỏng trật tự, kích thước tương đối của Mặt Trời và các	Tại lớp học	Trực tiếp

				hành tinh trong hệ Mặt Trời		
80	Bài 45. Hệ Mặt Trời và Ngân Hà (tiết 3, 4)	2	Tuần 35		Tại lớp học	Trực tiếp

## 2. Phân phối chương trình lớp 7

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 1: Phương pháp học tập môn Khoa học tự nhiên	05	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày và vận dụng được một số phương pháp và kỹ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên:</li> <li>+ Phương pháp tìm hiểu tự nhiên;</li> <li>+ Thực hiện được các kỹ năng tiến trình: quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo;</li> <li>+ Sử dụng được một số dụng cụ đo (trong nội dung môn Khoa học tự nhiên 7);</li> <li>+ Làm được báo cáo, thuyết trình.</li> </ul>
2	Bài 2: Nguyên tử	04	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử).</li> <li>- Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử)</li> </ul>
3	Bài 3: Nguyên tố hóa học	03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học.</li> <li>- Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên.</li> </ul>
4	Bài 4: Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	07	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học.</li> <li>- Mô tả được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm: ô, nhóm, chu kì.</li> <li>- Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố/nguyên tố kim loại, các nhóm nguyên tố/nguyên tố phi kim, nhóm nguyên tố khí hiếm trong bảng tuần hoàn.</li> </ul>
5	Ôn tập chủ đề 1	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hóa kiến thức chủ đề 1</li> <li>- Làm được các dạng bài tập liên quan</li> </ul>
6	Bài 5: Phân tử - Đơn chất - Hợp chất	04	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất.</li> </ul>

			- Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.
7	Bài 6: Giới thiệu về liên kết hóa học	04	- Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm; sự hình thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như H <sub>2</sub> , Cl <sub>2</sub> , NH <sub>3</sub> , H <sub>2</sub> O, CO <sub>2</sub> , N <sub>2</sub> ,...). - Nêu được được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như NaCl, MgO,...). - Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của chất ion và chất cộng hoá trị.
8	Ôn tập giữa kì I	01	Củng cố kiến thức bài 1, chủ đề 1 và bài 5 Rèn kỹ năng các bài tập có liên quan
9	Kiểm tra đánh giá giữa kì I (60 phút)	02	<i>Tuần 8</i>
10	Bài 7: Hóa trị và công thức hóa học	04	- Trình bày được khái niệm về hoá trị (cho chất cộng hoá trị). Cách viết công thức hoá học. - Viết được công thức hoá học của một số chất và hợp chất đơn giản thông dụng. - Nêu được mối liên hệ giữa hoá trị của nguyên tố với công thức hoá học. - Tính được phần trăm (%) nguyên tố trong hợp chất khi biết công thức hoá học của hợp chất. - Xác định được công thức hoá học của hợp chất dựa vào phần trăm (%) nguyên tố và khối lượng phân tử.
11	Bài 8: Tốc độ chuyển động	03	- Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ, xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng, <i>tốc độ = quãng đường vật đi/thời gian đi quãng đường đó</i> . - Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng.
12	Bài 9: Đồ thị quãng đường - thời gian	03	- Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng. - Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay thời gian chuyển động của vật)
13	Bài 10: Đo tốc độ	03	- Mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây và công quang điện trong dụng cụ thực hành ở nhà trường; thiết bị “bắn tốc độ” trong kiểm tra tốc độ các phương tiện giao thông.

14	Bài 11: Tốc độ và an toàn giao thông	01	- Dựa vào tranh ảnh (hoặc học liệu điện tử) thảo luận để nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.
15	Ôn tập chủ đề 3		- Hệ thống hóa kiến thức chủ đề 3 - Làm được các dạng bài tập liên quan
16	Bài 12: Mô tả sóng âm	03	- Thực hiện thí nghiệm tạo sóng âm (như gảy đàn, gõ vào thanh kim loại,...) để chứng tỏ được sóng âm có thể truyền được trong chất rắn, lỏng, khí. - Giải thích được sự truyền sóng âm trong không khí.
17	Bài 13: Độ to và độ cao của âm	03	- Từ hình ảnh hoặc đồ thị xác định được biên độ và tần số sóng âm. - Nêu được đơn vị của tần số là hertz (kí hiệu là Hz). - Nêu được sự liên quan của độ to của âm với biên độ âm. - Sử dụng nhạc cụ (hoặc học liệu điện tử, dao động kí) chứng tỏ được độ cao của âm có liên hệ với tần số âm
18	Bài 14: Phản xạ âm	03	- Lấy được ví dụ về vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém. - Giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế về sóng âm; đề xuất được phương án đơn giản để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khỏe.
19	Ôn tập chủ đề 4		- Hệ thống hóa kiến thức chủ đề 4 - Làm được các dạng bài tập liên quan
20	Bài 15: Ánh sáng, tia sáng	02	- Thực hiện thí nghiệm thu được năng lượng ánh sáng; từ đó, nêu được ánh sáng là một dạng của năng lượng. - Thực hiện thí nghiệm tạo ra được mô hình tia sáng bằng một chùm sáng hẹp song song. - Vẽ được hình biểu diễn vùng tối do nguồn sáng rộng và vùng tối do nguồn sáng hẹp.
21	Ôn tập	02	Củng cố kiến thức bài 1, chủ đề 1, 2, 3, 4 Rèn kỹ năng các bài tập có liên quan
22	Kiểm tra đánh giá cuối kì I (90 phút)	02	<i>Tuần 16</i>
23	Trả bài KTĐG cuối HKI	02	Trả bài và hướng dẫn đáp án
24	Bài 15: Ánh sáng, tia sáng	01	- Thực hiện thí nghiệm thu được năng lượng ánh sáng; từ đó, nêu được ánh sáng là một dạng của năng lượng.

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thí nghiệm tạo ra được mô hình tia sáng bằng một chùm sáng hẹp song song.</li> <li>- Vẽ được hình biểu diễn vùng tối do nguồn sáng rộng và vùng tối do nguồn sáng hẹp.</li> </ul>
25	Bài 16: Sự phản xạ ánh sáng	03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được phản xạ và phản xạ khuếch tán</li> <li>- Vẽ được hình biểu diễn và nêu được các khái niệm: tia sáng tới, tia sáng phản xạ, pháp tuyến, góc tới, góc phản xạ, mặt phẳng tới, ảnh.</li> <li>- Thực hiện được thí nghiệm rút ra định luật và phát biểu được nội dung của định luật phản xạ ánh sáng.</li> </ul>
26	Bài 17: Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tính chất ảnh của vật qua gương phẳng và dựng được ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng.</li> <li>- Vận dụng được định luật phản xạ ánh sáng trong một số trường hợp đơn giản.</li> </ul>
27	Bài 18: Nam châm	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành thí nghiệm để nêu được: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau;</li> <li>+ Sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm).</li> </ul> </li> </ul>
28	Bài 19: Từ trường	03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường.</li> <li>- Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mặt sắt và nam châm.</li> <li>- Nêu được khái niệm đường sức từ và vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm</li> </ul>
29	Bài 20. Từ trường Trái Đất – Sử dụng la bàn	03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường.</li> <li>- Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mặt sắt và nam châm.</li> <li>- Nêu được khái niệm đường sức từ và vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm.</li> <li>- Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường.</li> <li>- Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau.</li> </ul>

			– Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí.
30	Bài 21: Nam châm điện	01	Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện.
31	Ôn tập chủ đề 6		- Hệ thống hóa kiến thức chủ đề 6 - Làm được các dạng bài tập liên quan
32	Bài 22. Vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật	02	- Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. - Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể.
33	Bài 23: Quang hợp ở thực vật	04	- Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: + Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. + Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). + Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. - Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh. - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp.
34	Bài 24: Thực hành: Chứng minh quang hợp ở cây xanh	02	- Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt.
35	Bài 25: Hô hấp ở tế bào	03	- Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): + Nêu được khái niệm; + Viết được phương trình hô hấp dạng chữ + Thể hiện hai chiều tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào. - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp tế bào. - Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...).
36	Bài 26. Thực hành về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt	02	Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt.
37	Bài 27: Trao đổi khí ở sinh vật	02	- Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá. - Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng.

			- Hoàn thiện và báo cáo dự án.
38	Ôn tập	01	Củng cố kiến thức chủ đề 6 và chủ đề 7 ( đến bài 27) Rèn kỹ năng các bài tập có liên quan
39	Kiểm tra đánh giá giữa kì II (60 phút)	02	<i>Tuần 25</i>
40	Bài 27: Trao đổi khí ở sinh vật	02	- Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá. - Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng. - Hoàn thiện và báo cáo dự án.
41	Bài 28. Vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật	02	- Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật. - Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.
42	Bài 29. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật	05	- Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống). - Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây).
43	Bài 30. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật	05	- Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người) - Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người) - Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người. - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...).

44	Bài 31: Thực hành: Chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước	02	- Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước.
45	Bài 32: Cảm ứng ở sinh vật	02	– Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật). – Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật. – Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc). – Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn.
46	Bài 33. Tập tính ở động vật	02	– Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật; lấy được ví dụ minh họa. – Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật. – Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật. – Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn
47	<b>Ôn tập chủ đề 7 và 8</b>	01	
48	Bài 34. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	03	– Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. – Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên. – Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó.
49	Ôn tập	02	Củng cố kiến thức chủ đề 6, 7, 8 Rèn kỹ năng các bài tập có liên quan
50	Kiểm tra đánh giá cuối kì II (90 phút)	02	<i>Tuần 32</i>
51	Trả bài KTĐG cuối HKII	02	Trả bài và hướng dẫn đáp án
52	Bài 35. Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật	02	– Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng).

			<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kích thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường).</li> <li>– Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi).</li> </ul>
53	Bài 36. Thực hành chứng minh sinh trưởng và phát triển ở thực vật, động vật	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng.</li> <li>– Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật.</li> </ul>
54	Bài 37. Sinh sản ở sinh vật	05	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật.</li> <li>- Nêu được khái niệm sinh sản vô tính, sinh sản hữu tính ở sinh vật. Phân biệt được hai hình thức sinh sản này.</li> <li>- Phân biệt được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật: mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính và phân biệt được với hoa đơn tính; mô tả được thụ phấn, thụ tinh và lớn lên của quả.</li> <li>- Mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật. Lấy được ví dụ động vật đẻ con, động vật đẻ trứng.</li> <li>- Nêu được vai trò của sinh sản vô tính, sinh sản hữu tính trong thực tiễn.</li> <li>- Trình bày được một số ứng dụng của sinh sản vô tính (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô) và sinh sản hữu tính trong thực tiễn</li> </ul>
55	Bài 38. Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản và điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật và điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật.</li> <li>– Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính). Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây.</li> </ul>
56	Bài 39. Chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất	02	<p>Dựa vào sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể và môi trường (tế bào – cơ thể – môi trường và sơ đồ quan hệ giữa các hoạt động sống: trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng – sinh trưởng, phát triển – cảm ứng – sinh sản) chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất.</p>

### 3. Phân phối chương trình lớp 8

STT	Bài học/ chủ đề (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)	Hình thức dạy học (6)
1	Chủ đề Khái quát về cơ thể người	5	Tuần 1,2,3	Bài giảng điện tử, laptop Bài giảng thí nghiệm ảo Hình ảnh biểu diễn: Noron và hướng lan truyền xung thần kinh	Tại lớp học	Trực tiếp
2	Chủ đề Vận động	6	Tuần 3,4,5,6	Bài giảng điện tử, laptop Hình ảnh bộ xương người. Phim minh họa về hoạt động của cơ ở người. Phim mô phỏng các thao tác sơ cứu và băng bó gãy xương.	Tại lớp học	Trực tiếp
3	Chủ đề Tuần hoàn	3	Tuần 6,7	Bài giảng điện tử, laptop	Tại lớp học	Trực tiếp
4	Ôn tập	1	Tuần 8		Tại lớp học	Trực tiếp
5	<b>Kiểm tra giữa học kì 1</b>	1	Tuần 8		Tại lớp học	Trực tiếp
6	Chủ đề Tuần hoàn	4	Tuần 9,10	Bài giảng điện tử, laptop Phim mô phỏng các thao tác sơ cứu cầm máu.	Tại lớp học	Trực tiếp
7	Chủ đề Hô hấp	4	Tuần 11,12	Bài giảng điện tử, laptop Phim mô phỏng các thao tác hô hấp nhân tạo.	Tại lớp học	Trực tiếp

8	Chủ đề Tiêu hóa	4	Tuần 13,14	Bài giảng điện tử, laptop	Tại lớp học	Trực tiếp
9	Ôn tập kiểm tra học kì 1	2	Tuần 15		Tại lớp học	Trực tiếp
10	<b>Kiểm tra học kì 1</b>	4	Tuần 16		Tại lớp học	Trực tiếp
11	Chủ đề Tiêu hóa	2	Tuần 17	Bài giảng điện tử, laptop	Tại lớp học	Trực tiếp
12	Chủ đề Trao đổi chất và năng lượng	2	Tuần 18	Bài giảng điện tử, laptop	Tại lớp học	Trực tiếp
<b>HỌC KỲ II</b>						
13	Chủ đề Trao đổi chất và năng lượng	4	Tuần 19,20	Bài giảng điện tử, laptop Hình ảnh về: Tháp dinh dưỡng. Phim liên quan đến vitamin và muối khoáng ở người.	Trên lớp	Trực tiếp
18	Chủ đề Bài tiết	2	Tuần 21	Bài giảng điện tử, laptop Hình ảnh về: Cấu tạo của hệ bài tiết nước tiểu. Hình ảnh về: Quá trình tạo thành nước tiểu ở một đơn vị chức năng của thận.	Trên lớp	Trực tiếp
22	Chủ đề Da	2	Tuần 23	Bài giảng điện tử, laptop Hình ảnh về: Cấu tạo da Hình ảnh hoặc phim liên quan đến vệ sinh da.	Trên lớp	Trực tiếp
23	Chủ đề Thần kinh và Giác quan	8	Tuần 24,25,26	Bài giảng điện tử, laptop		
24	Ôn tập	1	Tuần 27		Trên lớp	Trực tiếp

25	<b>Kiểm tra giữa học kì 2</b>	1	Tuần 27		Phòng bộ môn	Trực tiếp
26	Chủ đề Thần kinh và Giác quan	3	Tuần 28,29	Bài giảng điện tử, laptop	Trên lớp	Trực tiếp
27	Chủ đề Nội tiết	3	Tuần 29,30	Bài giảng điện tử, laptop Hình ảnh minh họa về tuyến yên, tuyến giáp. Hình ảnh minh họa về tuyến tụy và các đảo tụy. Hình ảnh về: Sơ đồ hoạt động của các tế bào kẽ dưới tác dụng của hoocmon tuyến yên.	Trên lớp	Trực tiếp
28	Ôn tập kiểm tra giữa HK2	2	Tuần 31		Trên lớp	
29	Kiểm tra giữa HK2	2	Tuần 32		Trên lớp	
30	Chủ đề Nội tiết	1	Tuần 33	Bài giảng điện tử, laptop Hình ảnh về: Sự phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết.	Trên lớp	Trực tiếp
31	Chủ đề: Sinh sản	3	Tuần 33,34	Bài giảng điện tử, laptop Hình ảnh về: Cơ quan sinh dục nam; Các bộ phận của cơ quan sinh dục nữ. Phim về quá trình thụ tinh; thụ thai. Hình ảnh liên quan về các biện pháp tránh thai.	Trên lớp	Trực tiếp

				Phim liên quan đến các bệnh thường gặp lây qua đường tình dục.		
35	Sức khỏe sinh sản	2	Tuần 35	Bài giảng điện tử, laptop Hình ảnh liên quan sức khỏe sinh sản	Trên lớp	Trực tiếp

#### **4. Kế hoạch kiểm tra đánh giá thường xuyên**

#### **4. Kế hoạch kiểm tra đánh giá thường xuyên**

##### **Khối 6**

##### 1.1. Đánh giá thường xuyên

##### **MÔN KHTN 6**

##### **Học kì I**

Lần 1: hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 4

Lần 2: hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 6

Lần 3: hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 10

Lần 4: hình thức: Đánh giá quá trình học tập bằng hình thức trắc nghiệm hoặc vấn đáp; Thời gian: suốt quá trình học đến hết HK.

##### **Học kì II**

Lần 1: hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 22

Lần 2: hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 24

Lần 3: hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 28

Lần 4: hình thức: Đánh giá quá trình học tập bằng hình thức trắc nghiệm hoặc vấn đáp; Thời gian: suốt quá trình học đến hết HK.

## 1.2. Đánh giá định kì

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 8/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 25/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 32/HKII

Kiểm tra, đánh giá định kỳ bộ môn cụ thể như sau:

<b>Bài kiểm tra, đánh giá</b>	<b>Thời gian</b> <b>(1)</b>	<b>Thời điểm</b> <b>(2)</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b> <b>(3)</b>	<b>Hình thức</b> <b>(4)</b>
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 8	<ul style="list-style-type: none"><li>– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.</li><li>– Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.</li><li>– Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.</li><li>– Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.</li><li>– Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.</li><li>– Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ.</li><li>– Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.</li><li>– Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...).</li><li>– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát.</li></ul>	Trắc nghiệm và tự luận

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.</li> <li>- Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học).</li> <li>- Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.</li> <li>- Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.</li> <li>- Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan,...).</li> <li>- Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.</li> <li>- Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).</li> <li>- Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.</li> <li>- Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.</li> <li>- Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.</li> <li>- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm</li> <li>- Nêu được cách sử dụng một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.</li> <li>- Nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết.</li> <li>- Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.</li> <li>- Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.</li> <li>- Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước.</li> </ul>	
--	--	--	--

<p>Cuối Học kỳ 1</p>	<p>60 phút</p>	<p>Tuần 16</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.</li> <li>- Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.</li> <li>- Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.</li> <li>- Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.</li> <li>- Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.</li> <li>- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ.</li> <li>- Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.</li> <li>- Sử dụng được một số loại dụng cụ đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ.</li> <li>- Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...).</li> <li>- Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát.</li> <li>- Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.</li> <li>- Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học).</li> <li>- Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.</li> <li>- Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.</li> <li>- Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.</li> <li>- Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).</li> </ul>	<p>Trắc nghiệm và tự luận</p>
--------------------------	----------------	--------------------	--	-------------------------------

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.</li> <li>- Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.</li> <li>- Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.</li> <li>- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm</li> <li>- Nêu được cách sử dụng một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.</li> <li>- Nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết.</li> <li>- Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.</li> <li>- Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.</li> <li>- Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước.</li> <li>- Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.</li> <li>- Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào.</li> <li>- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.</li> <li>- Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào); nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.</li> <li>- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.</li> <li>- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → <math>n</math> tế bào).</li> <li>- Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào</li> <li>- Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.</li> </ul>	
--	--	---	--

		<ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...).</li><li>- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể).</li><li>- Nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan. Lấy được các ví dụ minh họa.</li><li>- Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.</li><li>- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới.</li><li>- Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống.</li><li>- Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học.</li><li>- Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.</li><li>- Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein).</li><li>- Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào).</li><li>- Nêu được một số bệnh do virus gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus.</li><li>- Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus trong thực tiễn.</li></ul>	
--	--	---	--

			<ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được hiểu biết về virus vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn</li> <li>– Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo vi khuẩn.</li> <li>– Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.</li> <li>– Nêu được một số bệnh do vi khuẩn gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do vi khuẩn gây ra.</li> <li>– Nêu được một số vai trò và ứng dụng vi khuẩn trong thực tiễn.</li> <li>– Vận dụng được hiểu biết về vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu, ...).</li> </ul>	
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 25	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào,...).</li> <li>– Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.</li> <li>– Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.</li> <li>– Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.</li> <li>– Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc, ...).</li> <li>– Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.</li> <li>– Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).</li> </ul>	Trắc nghiệm và tự luận

		<ul style="list-style-type: none"><li>– Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).</li><li>– Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.</li><li>– Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.</li><li>– Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.</li><li>– Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.</li><li>– Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...)</li><li>– Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.</li><li>– Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).</li> <li>– Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.</li><li>– Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.</li><li>– Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm: thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, biến dạng vật.</li><li>– Nêu được các khái niệm: khối lượng (số đo lượng chất của một vật), lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng), trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật).</li></ul>	
--	--	---	--

<p>Cuối Học kỳ 2</p>	<p>60 phút</p>	<p>Tuần 32</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào,...).</li> <li>– Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.</li> <li>– Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.</li> <li>– Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.</li> <li>– Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc, ...).</li> <li>– Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.</li> <li>– Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).</li> <li>– Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).</li> <li>– Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.</li> <li>– Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.</li> <li>– Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.</li> </ul>	<p>Trắc nghiệm và tự luận</p>
--------------------------	----------------	--------------------	---	-------------------------------

		<ul style="list-style-type: none"><li>– Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.</li><li>– Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...)</li><li>– Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.</li><li>– Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).</li><li>– Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.</li><li>– Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm: thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, biến dạng vật.</li><li>– Nêu được các khái niệm: khối lượng (số đo lượng chất của một vật), lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng), trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật).</li><li>– Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.</li><li>– Nêu được: Lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.</li><li>– Nêu được: Lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật; khái niệm về lực ma sát trượt; khái niệm về lực ma sát nghỉ.</li><li>– Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ.</li><li>– Nêu được: Vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy gọi là nhiên liệu.</li><li>– Lấy được ví dụ về một số loại năng lượng tái tạo thông dụng.</li><li>– Nêu được sự truyền năng lượng trong một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn.</li></ul>	
--	--	--	--

			<ul style="list-style-type: none"> <li>– Lấy ví dụ chứng tỏ được: Năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.</li> <li>– Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa.</li> <li>– Nêu được: Năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.</li> <li>– Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hằng ngày</li> <li>– Giải thích được một cách định tính và sơ lược: từ Trái Đất thấy Mặt Trời mọc và lặn hằng ngày.</li> <li>– Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng;</li> <li>– Nêu được Mặt Trăng phản xạ ánh sáng Mặt Trời.</li> <li>– Nêu được các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời.</li> </ul>	
--	--	--	---	--

## **Khối 7**

### 1.1. Đánh giá thường xuyên

## **MÔN KHTN 7**

### **Học kì I**

Lần 1: hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 4

Lần 2: hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 6

Lần 3: hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 10

Lần 4: hình thức: Đánh giá quá trình học tập bằng hình thức trắc nghiệm hoặc vấn đáp; Thời gian: suốt quá trình học đến hết HK.

### **Học kì II**

Lần 1: hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 22

Lần 2: hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 24

Lần 3: hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 28

Lần 4: hình thức: Đánh giá quá trình học tập bằng hình thức trắc nghiệm hoặc vấn đáp; Thời gian: suốt quá trình học đến hết HK.

## 1.2. Đánh giá định kì

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 8/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 25/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 32/HKII

Kiểm tra, đánh giá định kỳ bộ môn cụ thể như sau:

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 phút	8	<p>- Trình bày và vận dụng được một số phương pháp và kĩ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên</p> <p><b>Chủ đề 1</b></p> <p>- Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử).</p> <p>- Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử).</p> <p>- Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học.</p> <p>- Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên</p> <p><b>Chủ đề 2</b></p> <p>- Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất.</p> <p>- Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.</p> <p>- Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm; sự hình thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như H<sub>2</sub>, Cl<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>O, CO<sub>2</sub>, N<sub>2</sub>,....).</p>	40% trắc nghiệm 60% tự luận

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của chất ion và chất cộng hoá trị.</li> <li>- Nêu được được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như NaCl, MgO,...).</li> </ul>	
Cuối Học kỳ 1	90 phút	16	<p><b>Bài 1</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày và vận dụng được một số phương pháp và kĩ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên</li> </ul> <p><b>Chủ đề 1</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử).</li> <li>- Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử).</li> <li>- Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học.</li> <li>- Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên</li> </ul> <p><b>Chủ đề 2</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất.</li> <li>- Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.</li> <li>- Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm; sự hình thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như H<sub>2</sub>, Cl<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>O, CO<sub>2</sub>, N<sub>2</sub>,...).</li> <li>- Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của chất ion và chất cộng hoá trị.</li> <li>- Nêu được được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như NaCl, MgO,...).- Trình bày được khái niệm về hoá trị (cho chất cộng hoá trị). Cách viết công thức hoá học.</li> <li>- Viết được công thức hoá học của một số chất và hợp chất đơn giản thông dụng.</li> <li>- Nêu được mối liên hệ giữa hoá trị của nguyên tố với công thức hoá học.</li> <li>- Tính được phần trăm (%) nguyên tố trong hợp chất khi biết công thức hoá học của hợp chất.</li> <li>- Xác định được công thức hoá học của hợp chất dựa vào phần trăm (%) nguyên tố và khối lượng phân tử.</li> </ul> <p><b>Chủ đề 3</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ, xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng, <math>tốc\ độ = \frac{quãng\ đường\ vật\ đi}{thời\ gian\ đi\ quãng\ đường\ đó}</math>.</li> <li>- Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng.</li> <li>- Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng.</li> <li>- Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay thời gian chuyển động của vật).</li> </ul>	40% trắc nghiệm 60% tự luận

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây và công quang điện trong dụng cụ thực hành ở nhà trường; thiết bị “bắn tốc độ” trong kiểm tra tốc độ các phương tiện giao thông.</li> <li>- Nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.</li> </ul> <p><b>Chủ đề 4</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được sự truyền sóng âm trong không khí.</li> <li>- Từ hình ảnh hoặc đồ thị xác định được biên độ và tần số sóng âm.</li> <li>- Nêu được đơn vị của tần số là hertz (kí hiệu là Hz).</li> <li>- Nêu được sự liên quan của độ to của âm với biên độ âm.</li> <li>- Sử dụng nhạc cụ (hoặc học liệu điện tử, dao động kí) chứng tỏ được độ cao của âm có liên hệ với tần số âm</li> <li>- Lấy được ví dụ về vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém.</li> <li>- Giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế về sóng âm; đề xuất được phương án đơn giản để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khoẻ.</li> </ul> <p><b>Chủ đề 5</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được ánh sáng là một dạng của năng lượng.</li> </ul>	
Giữa Học kỳ 2	60 phút	25	<p><b>Chủ đề 6</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau;</li> <li>- Nêu được sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm).</li> <li>- Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.</li> <li>- Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường.</li> <li>- Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mạt sắt và nam châm.</li> <li>- Nêu được khái niệm đường sức từ và vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm.</li> <li>- Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường.</li> <li>- Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau.</li> <li>- Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí.</li> </ul> <p><b>Chủ đề 7</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.</li> <li>- Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể.</li> <li>- Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp.</li> <li>- Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ).</li> </ul>	40% trắc nghiệm 60% tự luận

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.</li> <li>- Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.</li> <li>- Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp.</li> <li>- Nêu được khái niệm quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật)</li> <li>- Viết được phương trình hô hấp dạng chữ quá trình hô hấp ở tế bào</li> <li>- Thể hiện hai chiều tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào.</li> <li>- Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp tế bào.</li> <li>- Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...).</li> <li>- Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá.</li> </ul>	
Cuối Học kỳ 2	90 phút	32	<p><b>Chủ đề 6</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau;</li> <li>- Nêu được sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm).</li> <li>- Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.</li> <li>- Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường.</li> <li>- Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mặt sắt và nam châm.</li> <li>- Nêu được khái niệm đường sức từ và vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm.</li> <li>- Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường.</li> <li>- Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau.</li> <li>- Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí.</li> </ul> <p><b>Chủ đề 7</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.</li> <li>- Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể.</li> <li>- Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp.</li> <li>- Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ).</li> <li>- Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.</li> <li>- Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.</li> <li>- Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp.</li> </ul>	<p>40% trắc nghiệm 60% tự luận</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật)</li> <li>- Viết được phương trình hô hấp dạng chữ quá trình hô hấp ở tế bào</li> <li>- Thể hiện hai chiều tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào.</li> <li>- Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp tế bào.</li> <li>- Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...).</li> <li>- Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá.</li> <li>- Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người).</li> <li>- Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.</li> <li>- Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.</li> <li>- Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây</li> <li>- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống).</li> <li>- Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước.</li> <li>- Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật</li> <li>- Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây).</li> <li>- Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người);</li> <li>- Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người);</li> <li>- Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người.</li> <li>- Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...).</li> </ul> <p><b>Chủ đề 8</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật).</li> <li>- Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật.</li> <li>- Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc).</li> <li>- Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn.</li> <li>- Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật; lấy được ví dụ minh hoạ.</li> </ul>
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật.</li> </ul> <p><b>Chủ đề 9</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển.</li> <li>- Trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên.</li> <li>- Trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó.</li> </ul>	
--	--	---	--

## **Khối 8**

### 1.1. Đánh giá thường xuyên

#### **Học kì 1**

Lần 1: Hình thức: trắc nghiệm, tự luận. Thời gian: tuần 5/HKI

Lần 2: Hình thức: tự luận. Thời gian: tuần 12/HKI

Lần 3: Hình thức: Đánh giá quá trình học tập bằng hình thức trắc nghiệm hoặc vấn đáp; Thời gian: suốt quá trình học đến hết HK.

#### **Học kì 2**

Lần 1: hình thức: tự luận. Thời gian: tuần 23/HKI

Lần 2: hình thức: tự luận. Thời gian: tuần 29/HKI

Lần 3: hình thức: Đánh giá quá trình học tập bằng hình thức trắc nghiệm hoặc vấn đáp; Thời gian: suốt quá trình học đến hết HK.

### 1.2. Đánh giá định kì

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 8/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 32/HKII

Kiểm tra, đánh giá định kỳ bộ môn cụ thể như sau:

<b>Bài kiểm tra, đánh giá</b>	<b>Thời gian (1)</b>	<b>Thời điểm (2)</b>	<b>Yêu cầu cần đạt (3)</b>	<b>Hình thức (4)</b>
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 8 (20/10 - 29/10)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và ý nghĩa của bộ môn.</li><li>- Xác định được vị trí của con người trong tự nhiên.</li><li>- Nêu được các phương pháp học tập đặc thù của bộ môn.</li><li>- Kể được tên và xác định được vị trí các cơ quan trong cơ thể người.</li><li>- Giải thích được vai trò của hệ thần kinh và hệ nội tiết trong sự điều hoà hoạt động các cơ quan.</li><li>- Trình bày được thành phần cấu trúc cơ bản của tế bào bao gồm: màng, chất nguyên sinh, chất tế bào, nhân.<ul style="list-style-type: none"><li>- Chứng minh được tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể</li></ul></li><li>- Trình bày được khái niệm và phân biệt các loại mô</li><li>- Chuẩn bị được tiêu bản tạm thời tế bào mô cơ vân.</li><li>- Quan sát và vẽ các tế bào trong các tiêu bản đã làm sẵn.</li><li>- Phân biệt được những điểm khác nhau của mô biểu bì, mô cơ, mô liên kết.</li><li>- Trình bày được các phần chính của bộ xương và xác định được vị trí các xương chính ngay trên cơ thể mình.</li><li>- Phân biệt được các loại khớp xương, nắm vững cấu tạo khớp động.</li><li>- Xác định được thành phần hoá học của xương để chứng minh được tính chất đàn hồi và cứng rắn của xương.</li><li>- Có kỹ năng lắp đặt thí nghiệm đơn.</li><li>- Giải thích được tính chất cơ bản của cơ và sự co cơ và nêu được ý nghĩa của sự co cơ.</li></ul>	Trắc nghiệm, tự luận.

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được nguyên nhân của sự mỏi cơ và nêu được các biện pháp chống mỏi cơ.</li> <li>- Nêu được lợi ích của sự luyện tập cơ, từ đó mà vận dụng vào đời sống, thường xuyên luyện tập thể dục thể thao và lao động vừa sức.</li> <li>- Chứng minh được sự tiến hoá của người so với động vật thể hiện ở hệ cơ xương.</li> <li>- Vận dụng được những hiểu biết về hệ vận động để giữ vệ sinh rèn luyện thân thể chống bệnh tật về xương thường xảy ra ở tuổi thiếu niên.</li> <li>- Biết cách sơ cứu khi gặp người bị gãy tay và cố định xương bị gãy.</li> <li>- Phân biệt được các thành phần cấu tạo của máu.</li> <li>- Trình bày được chức năng của huyết tương và hồng cầu.</li> <li>- Phân biệt được máu, nước mô và bạch huyết.</li> <li>- Trình bày được vai trò của môi trường trong cơ thể.</li> <li>- Trình bày được 3 hàng rào phòng thủ bảo vệ cơ thể khỏi các tác nhân gây nhiễm.</li> <li>- Trình bày được khái niệm miễn dịch.</li> <li>- Phân biệt được miễn dịch tự nhiên và miễn dịch nhân tạo.</li> <li>- Trình bày được cơ chế đông máu và vai trò của nó trong bảo vệ cơ thể.</li> <li>- Trình bày được các nguyên tắc truyền máu và cơ sở khoa học của nó.</li> </ul>	
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 (19/12 - 24/12)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các thành phần cấu tạo của hệ tuần hoàn máu và vai trò của chúng.</li> <li>- Trình bày được các thành phần cấu tạo của hệ bạch huyết và vai trò của chúng.</li> <li>- Xác định được trên tranh, hình vẽ hay trên mô hình cấu tạo ngoài và trong của tim.</li> <li>- Phân biệt được các loại mạch máu.</li> </ul>	Trắc nghiệm, tự luận.

		<ul style="list-style-type: none"><li>- Trình bày được đặc điểm của các pha trong chu kỳ co dẫn của tim.</li><li>- Trình bày được cơ chế vận chuyển máu qua hệ mạch.</li><li>- Chỉ ra được các tác nhân gây hại cũng như các biện pháp phòng tránh và rèn luyện hệ tim mạch.</li><li>- Phân biệt về thương làm tổn thương tĩnh mạch, động mạch hay chỉ là mao mạch.</li><li>- Rèn kĩ năng băng bó hoặc làm garô và biết những quy định khi đặt garô.</li><li>- Trình bày được khái niệm hô hấp và vai trò của hô hấp với cơ thể sống.</li><li>- Trình bày được các đặc điểm chủ yếu trong cơ chế thông khí ở phổi.</li><li>- Trình bày được cơ chế trao đổi khí ở phổi và ở tế bào.</li><li>- Trình bày được tác hại của các tác nhân gây ô nhiễm không khí đối với hoạt động hô hấp.</li><li>- Giải thích được cơ sở khoa học của việc tập luyện thể dục thể thao đúng cách.</li><li>- Đề ra các biện pháp luyện tập để có một hệ hô hấp khoẻ mạnh và tích cực hành động ngăn ngừa các tác nhân gây ô nhiễm không khí.</li><li>- Hiểu rõ cơ sở khoa học của hô hấp nhân tạo.</li><li>- Nắm được trình tự các bước tiến hành hô hấp nhân tạo.</li><li>- Biết phương pháp hà hơi thổi ngạt và phương pháp ấn lồng ngực</li></ul> <p>Trình bày được:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Các nhóm chất trong thức ăn.</li><li>+ Các hoạt động trong quá trình tiêu hoá.</li><li>+ Vai trò của tiêu hoá với cơ thể người.</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- Xác định được trên hình vẽ và mô hình các cơ quan của hệ tiêu hoá ở người.</li></ul>	
--	--	---	--

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các hoạt động tiêu hoá diễn ra trong khoang miệng.</li> <li>- Trình bày được các hoạt nuốt và đẩy thức ăn từ khoang miệng qua thực quản xuống dạ dày.</li> <li>- Trình bày được quá trình tiêu hoá diễn ra ở dạ dày.</li> <li>- Trình bày được quá trình tiêu hoá diễn ra ở ruột non.</li> <li>- Trình bày được: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vai trò đặc biệt của gan trên con đường vận chuyển các chất dinh dưỡng.</li> <li>+ Vai trò của ruột già trong quá trình tiêu hoá của cơ thể.</li> </ul> </li> </ul>	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27 (20/3-25/3/2023)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các tác nhân gây hại cho hệ tiêu hoá và mức độ tác hại của nó.</li> <li>- Trình bày được các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hoá và đảm bảo sự tiêu hoá có hiệu quả.</li> <li>- Phân biệt được sự trao đổi chất giữa cơ thể và môi trường ngoài và sự trao đổi chất ở tế bào.</li> <li>- Trình bày được mối liên quan giữa trao đổi chất ở cấp độ cơ thể với trao đổi chất ở cấp độ tế bào.</li> <li>- Xác định được sự chuyển hoá vật chất và năng lượng trong tế bào gồm 2 quá trình đồng hoá và dị hoá là hoạt động cơ bản của sự sống.</li> <li>- Phân tích được mối quan hệ giữa trao đổi chất với chuyển hoá vật chất và năng lượng.</li> <li>- Trình bày được khái niệm thân nhiệt.</li> <li>- Giải thích được cơ sở khoa học và vận dụng được vào đời sống các biện pháp chống nóng, chống lạnh, đề phòng cảm nóng, cảm lạnh.</li> </ul>	Trắc nghiệm, tự luận.

			<ul style="list-style-type: none"><li>- Trình bày được vai trò của vitamin và muối khoáng.</li><li>- Vận dụng được những hiểu biết về vitamin và muối khoáng trong lập khẩu phần và xây dựng chế độ ăn hợp lý.</li><li>- Nêu được nguyên nhân của sự khác nhau về nhu cầu dinh dưỡng ở những đối tượng khác nhau.</li><li>- Phân biệt được giá trị dinh dưỡng khác nhau ở các loại thực phẩm chính.</li><li>- Trình bày được các bước thành lập khẩu phần dựa trên các nguyên tắc thành lập khẩu phần.</li><li>- Đánh giá được định mức đáp ứng của một khẩu phần mẫu và dựa vào đó xây dựng khẩu phần</li><li>- Trình bày được khái niệm bài tiết và vai trò của nó với cơ thể sống, các hoạt động bài tiết chủ yếu và hoạt động quan trọng.</li><li>- Xác định được trên hình và trình bày được bằng lời cấu tạo hệ bài tiết nước tiểu.</li><li>- Trình bày được:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Quá trình tạo thành nước tiểu.</li><li>+ Thực chất quá trình tạo thành nước tiểu.</li><li>+ Quá trình thải nước tiểu.</li></ul></li><li>- Chỉ ra sự khác biệt giữa:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Nước tiểu đầu và huyết tương.</li><li>+ Nước tiểu đầu và nước tiểu chính thức.</li></ul></li><li>- Trình bày được các tác nhân gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu và hậu quả của nó.</li><li>- Trình bày được các thói quen sống khoa học để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu và giải thích cơ sở khoa học của nó.</li></ul>	
--	--	--	---	--

			<ul style="list-style-type: none"><li>- Mô tả được cấu tạo của da và chứng minh được mối quan hệ giữ cấu tạo và chức năng của da.</li><li>- Trình bày được cơ sở khoa học của các biện pháp bảo vệ da, rèn luyện da để chống các bệnh ngoài da. Từ đó, vận dụng được vào đời sống, có thái độ và hành vi vệ sinh cá nhân và vệ sinh cộng đồng.</li><li>- Phân được các thành phần cấu tạo của hệ thần kinh (bộ phận trung ương và bộ phận ngoại biên).</li><li>- Phân biệt được chức năng của hệ thần kinh vận động và hệ thần kinh dinh dưỡng.</li><li>- Tiến hành thành công các thí nghiệm qui định.</li><li>- Từ kết quả quan sát qua thí nghiệm.</li><li>- Nêu được chức năng của tủy sống, phỏng đoán được thành phần cấu tạo của tủy sống.</li><li>- Đối chiếu với cấu tạo của tủy sống để khẳng định mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng.</li><li>- Qua phân tích cấu tạo dây thần kinh tủy làm cơ sở để hiểu rõ chức năng của nó.</li><li>- Qua phân tích kết quả của thí nghiệm tương tự, rút ra được kết luận về chức năng của các rễ tủy và từ đó suy ra chức năng của dây thần kinh tủy.</li><li>- Xác định được vị trí và các thành phần của trụ não.</li><li>- Xác định được vị trí và chức năng của tiểu não.</li><li>- Xác định được vị trí và chức năng của não trung gian.</li><li>- Nêu rõ được đặc điểm cấu tạo của não ở người, đặc biệt là vỏ đại não.</li></ul>	
--	--	--	---	--

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt phản xạ dinh dưỡng với phản xạ vận động về mặt cấu trúc và chức năng.</li> <li>- Phân biệt được bộ phận giao cảm với bộ phận đối giao cảm trong hệ thần kinh dinh dưỡng về cấu trúc và chức năng.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa của các cơ quan phân tích đối với cơ thể.</li> <li>- Xác định rõ các thành phần của một cơ quan phân tích. Từ đó phân biệt được cơ quan thụ cảm với cơ quan phân tích.</li> <li>- Mô tả được các thành phần chính của cơ quan phân tích thị giác.</li> <li>- Giải thích được cơ chế điều tiết của mắt.</li> <li>- Trình bày được các nguyên nhân của tật cận thị, viễn thị và cách khắc phục.</li> <li>- Nêu được nguyên nhân của bệnh đau mắt hột, con đường lây truyền và cách phòng chống.</li> <li>- Xác định rõ các thành phần của cơ quan phân tích thính giác.</li> <li>- Mô tả được các bộ phận của tai, cấu tạo của cơ quan coocti trên tranh hoặc mô hình.</li> <li>- Trình bày được quá trình thu nhận các cảm giác âm thanh.</li> <li>- Có kỹ năng phân tích cấu tạo của một cơ quan qua loại tranh phân tích.</li> <li>- Tự giác tuân thủ cách giữ gìn vệ sinh tai.</li> </ul>	
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 32 (24/4-29/4/2023)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt phản xạ không điều kiện với phản xạ có điều kiện.</li> <li>- Nêu rõ ý nghĩa phản xạ có điều kiện đối với đời sống.</li> </ul>	Trắc nghiệm, tự luận.

			<ul style="list-style-type: none"><li>- Trình bày quá trình hình thành các phản xạ mới và tìm hiểu các phản xạ cũ, nêu rõ các điều kiện cần khi thành lập các PXCĐK</li><li>- Phân tích được những điểm giống và khác nhau giữa phản xạ có điều kiện ở người và động vật nói chung và thú nói riêng.</li><li>- Nêu rõ được vai trò của tiếng nói, chữ viết và khả năng tư duy trừu tượng ở người.</li><li>- Phân tích được ý nghĩa của giấc ngủ, lao động và nghỉ ngơi hợp lý đối với sức khỏe của con người.</li><li>- Nêu rõ được tác hại của ma túy và các chất gây nghiện đối với sức khỏe nói chung và hệ thần kinh nói riêng.</li><li>- Xây dựng cho bản thân một kế hoạch học tập và nghỉ ngơi hợp lý để đảm bảo sức khỏe.</li><li>- Nêu được sự giống nhau và khác nhau của tuyến nội tiết và tuyến ngoại tiết.</li><li>- Nêu rõ được tính chất và vai trò của hoocmôn, từ đó nêu rõ tầm quan trọng của tuyến nội tiết đối với đời sống.</li><li>- Trình bày các chức năng của tuyến yên, tuyến giáp.</li><li>- Phân biệt chức năng nội tiết và ngoại tiết của tuyến tụy dựa trên cấu tạo của tuyến này.</li><li>- Sơ đồ hoá chức năng của tuyến tụy trong sự điều hoà lượng đường trong máu để giữ được mức ổn định.</li><li>- Trình bày các chức năng của tuyến trên thận dựa trên cấu tạo giải phẫu của tuyến.</li><li>- Trình bày các chức năng của tuyến sinh dục.</li></ul>	
--	--	--	---	--

**II. Nhiệm vụ khác (nếu có):** (Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)

Nhiệm vụ khác được phân công kiêm nhiệm: Bồi dưỡng học sinh Olympic 6, 7, 8.

**TỔ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Phương Điền**

Nhà Bè, ngày 5 tháng 9 năm 2023

**GIÁO VIÊN**



**Cháng Thị Xuân Hòa**

**DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG**



**Ngô Thị Lệ Hoa**